TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST-VY
Ngày: 18-7-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoàng Liên
2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nghiêm Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai không tham gia phiên tòa:

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên toà số: 01/2025/TB-TA ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bàn Văn T1, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị T trình bầy: Tôi và anh Bàn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, nhiều lần vợ chồng cãi nhau, những mâu thuẫn đó tôi và anh T1 nhiều lần hoà giải xong không thành. Từ tháng 01/2025 tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi ở và chúng tôi sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi chúng tôi ly thân nhau chúng tôi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bàn Văn T1.

Về con chung: Có 02 cháu Bàn Thúy Q sinh ngày 20/7/2008; Bàn Hoàng A sinh ngày 12/6/2011. Hiện nay cháu Q đang sống cùng anh T1; cháu A đang sống cùng tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị Toà án giải quyết tôi nuôi cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T1 nuôi cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải

cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi đề nghị tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Bàn Văn T1 nhưng anh T1 không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Bàn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 05 tháng 8 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, nhiều lần vợ chồng cãi nhau, những mâu thuẫn đó chị T và anh T1 nhiều lần hoà giải không thành. Từ tháng 01/2025 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị T ở và anh chị sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi anh chị ly thân nhau anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Bàn Thúy Q sinh ngày 20/7/2008; Bàn Hoàng

A sinh ngày 12/6/2011. Hiện nay cháu Q đang sống cùng anh T1; cháu A đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Toà án giải quyết chị T nuôi cháu A. Anh T1 nuôi cháu Q. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Q anh T1 nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Yêu cầu của chị T về nuôi con chung không trái quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Bàn Văn T1.

2. Về con chung: Có 02 cháu Bàn Thúy Q sinh ngày 20/7/2008; Bàn Hoàng A sinh ngày 12/6/2011.

Xử giao cháu Bàn Thúy Q cho anh Bàn Văn T1 trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Giao cháu Bàn Hoàng A cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002163 ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị Vi Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- UBND xã L
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng